TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 462/2018/DS-ST
Ngày: 07/9/2018
V/v tranh chấp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Đinh Thị Hoài Thu

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

Ông Nguyễn Tiến Thành

Bà Phan Thị Thảo Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Anh, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Oanh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 8 và ngày 07 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 874/2016/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2016 về tranh chấp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 3302/2018/QĐST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3896/2018/QĐST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A; trụ sở: Đường B, Phường C, Quận H, Tp.HCM.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Bà Thái T, sinh năm 1990; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 818/UQ-QLN.18 ngày 01/8/2018) (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Hoàng D, sinh năm 1955; trú tại: Đường E, Phường F, Quận H, Tp.HCM (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các bản tự khai, nguyên đơn là Ngân hàng A do bà Thái T là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 26/05/2011, ông Hoàng D có đơn đề nghị cấp thẻ tín dụng. Ngày 08/07/2011, Ngân hàng A (viết tắt là ngân hàng A) chấp nhận cấp thẻ tín dụng cho ông D với số thẻ: 4365991000017435, hạn mức thẻ là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) với thời hạn 03 năm từ ngày 08/07/2011 đến ngày 08/07/2014; Lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo bảng điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng A.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông D đã không thanh toán số tiền đã sử dụng cho ngân hàng A theo Thông báo giao dịch hàng tháng. Do đó, ngày 03/01/2013, ngân hàng A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 28/02/2018, ông D còn nợ số tiền là 649.909.617 đồng (trong đó số tiền là nợ gốc là 213.560.095 đồng và lãi quá hạn là: 456.965.384 đồng).

Ngân hàng A đã nhiều lần gửi Thông báo đến ông D yêu cầu ông thanh toán số tiền đã sử dụng thẻ tín dụng, tuy nhiên từ ngày 10/12/2012 cho đến nay, ông D đã không thanh toán tiền nợ đã sử dụng thẻ cho ngân hàng A. Nay ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông D trả số tiền nợ 456.965.384 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 28/02/2018 cho đến khi trả xong nợ.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn là ông Hoàng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A yêu cầu ông Hoàng D trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ của thẻ tín dụng số 4365991000017435 tính đến ngày 31/8/2018 là 677.397.434 đồng trong đó tiền nợ gốc là 213.560.095 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 463.837.339 đồng và ông D phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/9/2018 đến ngày ông D trả dứt nợ theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận trong bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng.

Ông Hoàng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Phiên tòa tiến hành với sự có mặt đầy đủ của các thành viên hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa như quy định tại Điều 63. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 237, 239, 250, 260 và đảm bảo nguyên tắc công khai độc lập khách quan, trực tiếp bằng lời nói quy định tại các Điều 12, 14, 15, 16 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 và nội quy phiên tòa tại Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng Bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tống đạt, niêm yết công khai hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng vi phạm Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và giấy xác nhận đã nhận thẻ ngày 11/7/2011 thể hiện việc ông D có giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng và giấy xác nhận đã nhận thẻ ngày 11/7/2011 như Ngân hàng A trình bày là đúng. Do đó Ngân hàng A yêu cầu ông D phải có trách nhiệm trả khoản tiền còn nợ tạm tính đến ngày 28/02/2018 là 649.909.617 đồng (trong đó số tiền là nợ gốc là 213.560.095 đồng và lãi quá hạn là: 456.965.384 đồng) là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngân hàng TMCP A có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với ông Hoàng D cư trú tại Quận 1. Căn cứ Khoản 3, Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai bị đơn là Ông Hoàng D vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn như quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền nợ gốc là 213.560.095 đồng; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai người đại diện của Ngân hàng A tại Tòa; xét thấy, có đủ cơ sở xác định ngày 11/7/2013 Ngân hàng A có cấp cho Ông Hoàng D 01 thẻ tín dụng số 4365991000017435, hạn mức 200.000.000 đồng/thẻ, theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng của Ông D; việc thỏa thuận cấp thẻ giữa Ngân hàng A và ông D phù hợp với quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật.

Tại Tòa, Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A cho biết sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông D đã không thanh toán tiền đầy đủ cho Ngân hàng A theo thông báo giao dịch hàng tháng; nên Ngân hàng A đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ với số tiền gốc còn nợ là 213.560.095 đồng. Phía ông D không đến Tòa giải quyết mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, không có văn bản phản đối với yêu cầu của Ngân hàng; do đó, yêu cầu của Ngân hàng A đòi ông D trả số tiền nợ gốc 213.560.095 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng nên có cơ sở chấp nhận.

- Xét yêu cầu đòi tiền lãi của nguyên đơn; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Tòa, Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng giải trình số tiền lãi quá hạn Ngân hàng A yêu cầu ông D trả tính đến ngày 31/8/2018 là 463.837.339 đồng cụ thể: số tiền nợ gốc là 213.560.095 đồng, tiền lãi quá hạn từ ngày 03/01/2013 đến ngày 12/6/2017 theo mức lãi suất nợ quá hạn 37,2% /năm là 357.720.278 đồng, từ ngày 12/6/2017 đến ngày 01/01/2018 theo mức lãi suất nợ quá hạn 40,50%/năm (tính trên 360 ngày/năm) là 48.771.787 đồng; Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/8/2018 theo mức lãi suất nợ quá hạn 40,5%/năm (tính trên 365 ngày/năm) là 57.345.274 đồng.

Việc chuyển nợ quá hạn và cách tính tiền lãi của Ngân hàng phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng, Điều 5 và Điều 10 Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng A và Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng. Do đó yêu cầu của Ngân hàng A đòi ông D trả tiền lãi quá hạn tính đến ngày 31/8/2018 là 463.837.339 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày Tòa xử là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 5 và Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Ông Hoàng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền 677.397.434 đồng phải trả cho Ngân hàng TMCP A là 31.095.897 đồng;

[4] Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 220, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 91, Khoản 2 Điều 95 và Điểm d Khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Luật thi hành án dân sự; Điều 5 và Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn;

Buộc ông Hoàng D trả cho Ngân hàng A số tiền còn nợ tính đến ngày 31/8/2018 là 677.397.434 đồng (sáu trăm bảy mươi bảy triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm ba mươi bốn đồng) (trong đó tiền nợ gốc là 213.560.095 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 463.837.339 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng , các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hoàng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 31.095.897 đồng (ba mươi mốt triệu không trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi bảy dồng);

Trả lại cho Ngân hàng A tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 11.549.838 đồng theo biên lai số AA/2014/0003973 ngày 25/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Hoàng D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Hoài Thu